

Số: 501 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 28 tháng 05 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật
cụm công nghiệp Lãng Cao”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 249/TTr-STNMT ngày 24/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lãng Cao” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty CP Đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Cao Xá và xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm

¹ Thành lập theo Quyết định số 1296/QĐ-TNMT ngày 18/12/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

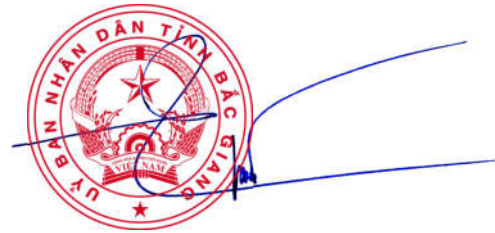
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lãng Cao” của Công ty CP Đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên thực hiện tại xã Cao Xá và xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giao thông vận tải; UBND huyện Tân Yên; UBND xã Cao Xá, UBND xã Ngọc Lý; Công ty CP đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, KTN_{Việt Anh}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN “ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP LĂNG CAO”

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lăng Cao.

- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Cao Xá và xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Công ty CP Đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

* *Mục tiêu đầu tư:* Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: San nền, giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc, cây xanh,.. đầu tư xây dựng, cho thuê kho, nhà xưởng công nghiệp đáp ứng nhu cầu sản xuất công nghiệp của các nhà đầu tư.

* *Loại hình dự án:* Dự án đầu tư mới và thuộc loại hình dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

* *Quy mô đầu tư:* Khu đất thực hiện dự án có tổng diện tích 480.232m² (khoảng 48,02 ha), gồm:

- Khu xây dựng nhà máy, kho tàng: Có tổng diện tích là 334.462m², chiếm 69,65%, được chia thành 17 ô đất ký hiệu từ CN-01 đến CN-17.

- Khu trung tâm điều hành và dịch vụ: Khu điều hành và dịch vụ bố trí tại khu vực cửa ngõ của Cụm công nghiệp, với diện tích 6.330m² các công trình trong đó bao gồm văn phòng điều hành, nơi trưng bày các sản phẩm, trạm y tế, cứu hoả, đại diện hải quan, căng tin, cửa hàng, tổng đài điện thoại, vườn cảnh v.v... được bố trí xây dựng tập trung thành một tổng thể không gian thống nhất tạo bộ mặt trung tâm cho Cụm công nghiệp.

- Khu công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật:

+ Các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật có tổng diện tích là 5.998 m² bao gồm trạm cấp nước, trạm xử lý nước thải và thu gom chất thải rắn.

+ Trạm XLNT có quy mô công suất 5.000m³/ngày đêm.

- Khu cây xanh, mặt nước: Đất cây xanh, mặt nước có tổng diện tích là 66.968m² gồm khu cây xanh tập trung, mặt nước và cây xanh cách ly.

- Đất giao thông: Có tổng diện tích là 66.474m². Bao gồm bãi đỗ xe tĩnh và giao thông trong Cụm công nghiệp.

* *Ngành nghề thu hút của Cụm công nghiệp:*

Ngành nghề thu hút vào Cụm công nghiệp được quy định tại Quyết định 1133/QĐ-UBND, ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thành lập cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang cụ thể gồm: Cơ khí chế tạo, may mặc, thiết bị, linh kiện điện tử, điện tử, mạ điện, phối trộn hoá chất làm nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất, lắp ráp linh kiện điện tử, sản xuất gỗ dán, gỗ lạng và ván mỏng khác; sản xuất các sản phẩm từ plastic, sản xuất sản phẩm kim loại khác chưa được phân vào đầu, các ngành công nghiệp phụ trợ.

Trong các ngành nghề đăng ký chủ dự án cam kết:

- Đối với ngành nghề liên quan đến hoá chất: Chỉ tiếp nhận các ngành nghề là phối trộn hoá chất làm nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất và không phát sinh nước thải sản xuất trong quá trình hoạt động.

- Đối với ngành mạ điện: Chỉ tiếp nhận các đơn vị thứ cấp đã tính toán lượng nước thải phù hợp với công suất trạm xử lý của cụm công nghiệp và có hệ thống xử lý nước thải sản xuất đảm bảo nước thải đầu ra đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình chính: Giải phóng mặt bằng và san nền, thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

- Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án;

- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: Công trình thu gom và thoát nước mưa; thu gom và thoát nước thải; xử lý nước thải; công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn; các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và các công trình bảo vệ môi trường khác.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có tổng diện tích của 480.232m², trong đó 311.000m² đã được thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất; 53.771,48m² là đất khoáng sản; 115.460m² là đất rừng sản xuất, đất công ích, đất thủy lợi và đất giao thông; không có đất lúa 02 vụ.

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4, Điều 25, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

Hiện tại, chủ dự án đã hoàn thiện xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trên diện tích 105.000 m² (thuộc phần diện tích được thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất). Do đó, trong giai đoạn này chủ dự án thực hiện bù giải phóng mặt bằng và san lấp diện tích còn lại 115.460m², đồng thời thực hiện thi công xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật trên diện tích 375.232 m² của dự án.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng:

+ Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: phát quang thực vật.

+ Tác động từ hoạt động vận chuyển chất thải phát quang.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công và đất đá đi đổ thải.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Từ hoạt động đào đắp, san nền;

++ Bụi từ hoạt động bạt taluy;

++ Từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng;

++ Từ quá trình đốt cháy nhiên liệu của máy móc, thiết bị thi công trên công trường;

++ Khí thải từ công đoạn hàn kim loại;

++ Hơi nhựa đường phát sinh từ quá trình trải nhựa tuyến đường nội bộ;

++ Bụi từ quá trình cấp phối đá dăm;

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công, rửa máy móc thiết bị và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; Chất thải từ hoạt động đào đắp san nền và chất thải rắn xây dựng thông thường là xi măng, cát, đá, sắt thép xây dựng, gạch xây dựng...

+ Chất thải nguy hại bao gồm các loại: như giẻ lau, găng tay dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải....

2.2. Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các nhà máy (Đơn vị thứ cấp);

+ Bụi và khí thải của các phương tiện vận chuyên;

+ Mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung;

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

- Nước thải phát sinh từ các nguồn sau:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại cụm công nghiệp;

+ Nước thải sản xuất của các nhà máy, đơn vị thứ cấp;

+ Nước mưa chảy tràn.

- Chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

+ Chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của chủ hạ tầng và các nhà máy, đơn vị thứ cấp.

+ Bùn thải từ Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN.

- Tiếng ồn, độ rung: Từ hoạt động sản xuất, hoạt động vận tải của chủ hạ tầng và các nhà máy, đơn vị thứ cấp.

- Tác động không liên quan đến chất thải: Tác động kinh tế - xã hội; Tác động bởi ô nhiễm nhiệt.

- Sự cố rò rỉ nhiên liệu, hóa chất, sự cố cháy nổ, sự cố tai nạn lao động, sự cố tai nạn giao thông, sự cố của trạm XLNT tập trung, sự cố của các đơn vị thứ cấp,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

** Nước thải:*

- Nước thải thi công bao gồm từ quá trình thi công xây dựng trên công trường có sử dụng nước cho các hoạt động xây lắp như trộn bê tông, trộn vữa, rửa đá, tưới gạch, bảo dưỡng bê tông tại chỗ, rửa máy móc, thiết bị thi công... ước tính khoảng 5-7m³/ngày đêm; thông số ô nhiễm đặc trưng như: chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD,...

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công: 6,5 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng như: BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Coliform, Amoni...

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng cuốn trôi các chất bẩn như nguyên vật liệu rơi vãi, đất đá, bao bì nilon,... xuống các vùng thấp hơn ngoài công trường, trong đó có nguồn nước. Thông số ô nhiễm đặc trưng như: BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)....

** Bụi, khí thải:*

- Bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng dự án; từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển đất san lấp mặt bằng, nguyên vật liệu xây dựng; từ hoạt động bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng; từ quá trình thi công lớp cấp phối đá dăm. Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng bụi lơ lửng.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công và đất san lấp mặt bằng; từ hoạt động của các máy móc, phương tiện thi công với thông số ô nhiễm đặc trưng như: CO, SO₂, NO_x, bụi,...

- Hơi nhựa đường phát sinh trong quá trình trải nhựa tuyến đường nội bộ, Khí thải từ công đoạn hàn kim loại. Thông số ô nhiễm đặc trưng như: bụi, CO, NO_x, hơi hữu cơ,...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động ăn uống sinh hoạt của công nhân xây dựng: khoảng 32,5kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Chất thải phát quang thảm thực vật: khoảng 341,04 m³.

+ Đất đá rơi vãi trên đường vận chuyển khoảng 0,38 tấn đất đá/ngày.

+ Chất thải từ quá trình xây dựng: khoảng 11,8 tấn.

- Chất thải nguy hại bao gồm các loại: như giẻ lau, găng tay dính dầu, thùng phuy đựng dầu máy, cặn dầu, bóng đèn huỳnh quang thải.... Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh: 08 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị thi công, xây dựng; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu. Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực, tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động đến người tham gia giao thông; tác động đến hệ sinh thái, sản xuất nông nghiệp...

- Tác động do sự cố như: Tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, thiên tai,...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực kéo theo đất, cát, chất cặn bã xuống cống thoát nước xung quanh. Thông số ô nhiễm đặc trưng như: BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt của chủ hạ tầng và đơn vị doanh nghiệp thứ cấp khoảng 4950,46 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng như: chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, Coliforms, Tổng nito, tổng phốt pho, kim loại nặng (Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Sắt, Crom (III), Crom (VI), Niken), tổng dầu mỡ khoáng,...

* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông có thông số ô nhiễm đặc trưng như CO, NO_x, SO₂,...

- Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất của doanh nghiệp thứ cấp trong cụm công nghiệp có thông số ô nhiễm đặc trưng như: bụi, CO, NO₂, SO₂, hơi hữu cơ, hơi hóa chất,...

- Mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung có thông số ô nhiễm đặc trưng như: H₂S, CO₂, CH₄...

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng có thông số ô nhiễm đặc trưng như: Bụi, CO, NO_x, SO₂, Andehyt...

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của chủ hạ tầng và quá trình sản xuất của các đơn vị doanh nghiệp thứ cấp trong cụm công nghiệp khoảng 25,6 tấn/ngày.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của chủ hạ tầng và quá trình sản xuất của các đơn vị doanh nghiệp thứ cấp trong cụm công nghiệp khoảng 6,4 tấn/ngày.

Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp:

Khoảng 649 kg/ngày.

- Chất thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc trong cụm công nghiệp khoảng 8,25 tấn/ngày.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

- Phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông.

- Phát sinh từ quy trình sản xuất.

- Phát sinh từ hoạt động của máy móc trạm xử lý nước thải.

2.3.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực; tác động do ô nhiễm nhiệt.

- Tác động do sự cố như: Sự cố rò rỉ nhiều liệu, hóa chất, Sự cố cháy nổ; Tai nạn lao động, Tai nạn giao thông, Sự cố của trạm xử lý nước thải tập trung, sự cố từ hoạt động sản xuất của các đơn vị thứ cấp (lò hơi, hệ thống xử lý khí thải,...).

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải, nước thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Chủ dự án xây dựng 01 nhà vệ sinh tạm có bể tự hoại 3 ngăn (dung tích 15m³) bố trí tại khu vực lán trại, phục vụ công nhân xây dựng và 01 nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn (dung tích 10m³) bố trí tại khu vực nhà điều hành tạm trong giai đoạn xây dựng (gần khu vực xây dựng công vào CCN) phục vụ cán bộ, kỹ thuật xây dựng.

Định kỳ (03 tháng/lần) bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại đảm bảo hiệu quả xử lý của bể tự hoại, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút bùn cặn đem đi xử lý theo quy định. Khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng, chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom toàn bộ lượng cặn trong bể tự hoại, phá dỡ và vận chuyển, đổ thải theo đúng quy định.

- Nước thải thi công: Bố trí các hố lắng trong khu vực thi công để thu gom nước thải thi công và nước mưa. Tận dụng nước đập bụi công trường và phối trộn bê tông.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa.

+ Nước mưa được dẫn vào hệ thống thu gom, xử lý sơ bộ qua hố lắng cặn trước khi thoát ra môi trường.

+ Định kỳ (01 tháng/lần) kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Chủ dự án che chắn xung quanh khu vực bằng hàng rào tôn cao 2m.

- Bố trí các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án hợp lý, không để ùn tắc giao thông, lưu lượng quá đông.

- Phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị tham gia thi công được kiểm tra định kỳ, đảm bảo các yếu tố đạt tiêu chuẩn khí thải.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như: khẩu trang, mũ ủng, quần áo bảo hộ lao động.

- Bố trí xe tưới nước có dung tích bồn chứa khoảng 5m³, thực hiện phun nước tưới ẩm nhằm giảm lượng bụi phát tán trong không khí. Tần suất khoảng 2-4 lần/ngày.

- Các phương tiện vận chuyển đất đá khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi, phát tán bụi.

- Thực hiện thi công cuốn chiếu, giảm khả năng phát tán chất ô nhiễm trên diện rộng.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải phát quang: Toàn bộ cây cối trên diện tích đất sẽ được giao cho người dân có đất để tự thu hoạch làm nguyên liệu hoặc củi phục vụ đun nấu.

- Chất thải sinh hoạt: Bố trí 05 thùng chứa rác thải sinh hoạt có dung tích 120 lít tại khu vực lán trại tạm và khu vực công trường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến vận chuyển mang đi xử lý theo quy định tần suất 4 lần/tuần.

- Biện pháp giảm thiểu do đất đá rơi vãi:

- + Chủ dự án phối hợp với đơn vị thi công san lấp yêu cầu các chủ xe trở đất đá không vượt quá trọng tải xe.

- + Tất cả các xe phải có bạt che phủ không để đất đá thải rơi vãi.

- + Bố trí công nhân đi thu dọn nếu có đất đá rơi vãi trên đường vận chuyển.

- + Tận dụng đất đá rơi vãi làm nguyên liệu san lấp mặt bằng tại dự án.

- Đối với đất thải dư thừa sau khi đắp nền (khối lượng tính toán khoảng 576.284,55 m³) sẽ được vận chuyển đi san lấp chủ yếu các công trình, dự án trên địa bàn huyện Tân Yên và một số dự án của các khu vực lân cận. Chủ dự án thực hiện theo đúng quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 1113/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang.

- Chất thải xây dựng:

- + Đối với sắt, thép, bao bì, gỗ... được thu gom tái sử dụng cho mục đích khác hoặc bán cho các đơn vị thu mua;

- + Đối với các chất thải rắn vô cơ là vật liệu xây dựng, đá, cát, sỏi, xi măng chét trong xây dựng được sử dụng san nền ngay trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng cho Dự án.

Ngoài ra, trên địa bàn huyện Tân Yên, đã được quy hoạch 7 vị trí bãi đổ thải, có khả năng tiếp nhận các chất thải rắn công nghiệp, chất thải xây dựng, chủ dự án thoả thuận, xin ý kiến UBND huyện Tân Yên, vị trí đổ thải phù hợp để đổ thải trong trường hợp có chất thải không tận dụng được.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Hạn chế, giảm thiểu tối đa việc sửa chữa máy móc, thiết bị thi công tại khu vực công trường của dự án. Các phương tiện vận tải được bảo dưỡng, kiểm tra, sửa chữa tại các gara trên địa bàn.

- Đối với các loại chất thải nguy hại phát sinh, bố trí 4 thùng phuy có dung tích 200 lít để thu gom, lưu trữ. Mỗi thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại. Các thùng chứa chất thải nguy hại được lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 10m² đã xây dựng từ giai đoạn trước.

- Chủ dự án thực hiện việc quản lý, xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định; Hợp đồng đơn vị có chức năng vận chuyển mang đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật với tần suất 6 tháng/lần.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Không sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Xây dựng lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm.

- Gia cố nền công trình, cố định chân máy trước khi vận hành đối với các máy có độ rung lớn.

- Không vận hành vào ban đêm và giờ nghỉ ngơi của người dân để tránh ảnh hưởng đến sinh hoạt của công nhân và cuộc sống sinh hoạt thường ngày của nhân dân cạnh khu vực. Thời gian thi công hoạt động từ 06 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút và 13 giờ 00 phút đến 18 giờ.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Các phương tiện phải đảm bảo đủ các điều kiện lưu hành, trong thời hạn cho phép theo đúng quy định của Bộ Giao thông vận tải.

- Thực hiện nghiêm túc luật an toàn giao thông trên các tuyến đường vận chuyển. Xe chở đúng trọng tải quy định.

- Thường xuyên khơi thông, nạo vét hệ thống thoát nước xung quanh khu vực dự án. Tiến hành nạo vét ngay khi có hiện tượng bồi lắng nhằm ngăn ngừa sự

úng ngập cục bộ.

- Trong quá trình thi công xây dựng có sử dụng các loại máy móc chạy bằng chất đốt (dầu diesel) như: máy đầm, xe tải,... các máy phát ra tia lửa như máy hàn, vì vậy chủ dự án chú trọng đến các giải pháp phòng cháy, chữa cháy như:

+ Không vận hành máy móc trong thời tiết nắng gắt, đặc biệt là không thay dầu, bảo dưỡng máy gần nguồn dễ phát sinh cháy nổ.

+ Nghiêm cấm công nhân hút thuốc lá khi đang vận hành, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị.

+ Không để các vật liệu dễ cháy nổ tại các khu vực có nguồn gây cháy.

+ Trang bị máy bơm nước, luôn sẵn sàng ứng phó khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Thực hiện các biện pháp như lắp các biển báo công trường, đặc biệt tại những điểm đầu nối với đường giao thông công cộng.

- Phải có rào chắn, các biển báo nguy hiểm tại những nơi có khả năng sạt lở, sụp lún, bờ mương.

- Bố trí công nhân thu gom đất đá rơi vãi trên đường giao thông nếu có trong quá trình vận chuyển.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trồng cây xanh theo quy hoạch thiết kế của dự án tổng thể, Đây là biện pháp khá đơn giản, hiệu quả và tốn ít kinh phí, có tác dụng chống ồn, chống bụi, điều hoà không khí, cây xanh được trồng trong khuôn viên, dọc theo các tuyến đường giao thông.

- Trên vỉa hè các tuyến đường được bố trí loại cây có tán rộng và bền lá để lấy bóng mát, Cây xanh trồng trên vỉa hè lựa chọn các loại phù hợp với các tuyến đường và thổ nhưỡng địa phương,

- Thực hiện giám sát môi trường không khí cụm công nghiệp định kỳ theo quy định của pháp luật, Thực hiện việc kiểm tra, giám sát các nguồn thải khí, các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải, bụi, tiếng ồn của các nhà máy, xí nghiệp trong cụm công nghiệp trong phạm vi chức năng theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Thực hiện công tác đánh giá hoạt động sản xuất của nhà đầu tư thứ cấp khi lựa chọn nhà đầu tư thuê đất cụm công nghiệp theo hướng ưu tiên các nhà máy sử dụng công nghệ sạch, tiên tiến, thân thiện với môi trường.

- Sử dụng nhiên liệu chạy máy phát điện có hàm lượng lưu huỳnh thấp nhằm giảm thiểu các chất gây ô nhiễm trong khí thải.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy phát điện để đảm bảo các tiêu chuẩn quy định.

Đối với trạm xử lý nước thải công nghiệp, luôn luôn đảm bảo các đơn nguyên hoạt động ổn định, tránh hiện tượng kỳ khí xảy ra ở các đơn nguyên để

hạn chế phát sinh mùi hôi. Trạm xử lý nước thải được thiết kế dải cây xanh xung quanh khu đất hạ tầng kỹ thuật, ngăn cách các bể xử lý với khu vực bên ngoài nên không phát tán khí thải, mùi hôi ra môi trường xung quanh.

4.2.1.2. Đối với nước thải

* Đối với nước mưa:

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cụm công nghiệp Lãng Cao được bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông nội bộ trong cụm công nghiệp. Hệ thống tuyến cống thoát nước mưa của cụm công nghiệp được thiết kế bằng cống BTCT D600-D2000, kết hợp rãnh B400-B1000. Nước mưa từ mặt đường được thu vào các hàm ếch sau đó chảy theo hệ thống cống thoát nước mưa và được thoát ra mương hoàn trả thoát nước chung của khu vực và ra ngòi Cầu Đồng. Dọc theo đường cống thoát nước mưa có bố trí các hố ga để lắng cặn trước khi thoát ra thủy vực, bố trí trung bình 30m/1 hố ga, độ dốc cống từ 0,0 – 1,79%.

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa gồm các tuyến chính sau:

- *Tuyến thu gom, thoát nước mưa phía Đông:* Nước mưa thu vào hệ thống cống D600, D800 với tổng chiều dài 1.023m cùng mương hở B600, B1000 với tổng chiều dài 1387m, thu gom toàn bộ nước mưa bề mặt khu vực phía Đông dự án, qua 60 hố ga và đổ ra mương hoàn trả thoát nước chung của khu vực và ra ngòi Cầu Đồng bằng cống B1000 tại vị trí cửa xả số CX3.

- *Tuyến thu gom, thoát nước mưa phía Tây:* Nước mưa thu vào hệ thống cống D600, D800, D1000, D1250, D1500, D2000 với tổng chiều dài 3447m cùng mương hở B400 với tổng chiều dài 764m, thu gom toàn bộ nước mưa bề mặt khu vực phía Tây dự án, qua 139 hố ga và đổ ra mương hoàn trả thoát nước chung của khu vực và ra ngòi Cầu Đồng bằng cống D2000 tại vị trí cửa xả số CX1.

- *Tuyến thu gom, thoát nước mưa tại xung quanh khu vực mỏ Barit núi Am* gồm hệ thống rãnh B600 dài 799,22m, độ dốc 0,17÷1,9%, thu nước xung quanh khu mỏ và đầu nối vào hệ thống thoát nước mặt của cụm công nghiệp Lãng Cao.

- *Tuyến thu gom, thoát nước mưa tại khu vực phía Nam cụm công nghiệp,* bố trí tuyến rãnh B1000 thu gom nước mưa chảy tràn, với chiều dài 591,8m, độ dốc 0,1%. Nước mưa được thu gom thoát ra mương hoàn trả thoát nước chung của khu vực và ra ngòi Cầu Đồng bằng cống D2000 tại vị trí cửa xả số CX2.

- Tại khu vực cổng ra vào cụm công nghiệp, tuyến cống thoát nước mưa dọc tuyến đường ĐT298, hệ thống thoát nước mưa của CCN được đầu nối vào mương thoát nước chung của khu vực qua 1 điểm xả.

* Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom nước thải, đầu nối toàn bộ nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp hoạt động trong cụm công nghiệp và từ nhà điều hành của cụm công nghiệp đưa về Trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý trước khi thoát ra ngòi Cầu Đồng. Nước thải từ khu nhà điều hành của cụm công nghiệp được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, sau đó đưa về Trạm xử lý nước thải tập trung. Nước thải sản xuất và sinh hoạt của các doanh nghiệp thứ cấp trong cụm công nghiệp do doanh nghiệp đó tự xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B trước sau

đó theo tuyến cống BTCT D400 về Trạm xử lý nước thải tập trung.

Trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp có công suất 5.000 m³/ngày đêm, công nghệ xử lý hóa lý kết hợp sinh học, theo sơ đồ công nghệ sau: Bể gom → Bể tách lọc dầu → Bể điều chỉnh pH lần 1 → Bể phản ứng → Bể điều chỉnh pH lần 2 → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể trung hòa pH → Bể gom nước thải (gom nước thải công nghiệp sau xử lý hóa lý và nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ) → Bể trung gian → bể thiếu khí → bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể sinh hóa → Lọc sinh học thổi khí → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Ngòi Cầu Đồng. Nước thải sau trạm xử lý nước thải tập trung đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận (Ngòi Cầu Đồng). Chủ dự án lắp đặt và vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục các thông số: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), COD, Amoni. Dữ liệu được kết nối về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang theo quy định.

4.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

4.2.2.1. Chất thải rắn công nghiệp

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải công nghiệp được thu gom, lưu chứa bằng các loại bao dứa, thùng nhựa dung tích 120 lít/thùng, được lưu chứa tạm thời trong kho.

- Kho lưu chứa: Diện tích xây dựng 47,38m² (kích thước 5,15m x9,2m). Bố trí tại khu vực nhà kho số 1, khu nhà điều hành trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển xử lý với tần suất 3 tháng/lần.

4.2.2.2. Chất thải sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Rác thải sinh hoạt được lưu chứa vào các thùng rác 20 lít đặt tại các khu văn phòng, nhà ăn.

- Kho/khu vực lưu chứa: Không bố trí kho lưu chứa chất thải sinh hoạt. Chủ dự án hợp đồng thu gom với đơn vị chức năng tại địa phương, vận chuyển xử lý với tần suất 2 ngày/lần.

4.2.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải nguy hại được thu gom và lưu giữ trong các thùng nhựa dung tích 120 lít/thùng. Thùng có dán nhãn chất thải nguy hại bên ngoài thùng, cảnh báo chất thải nguy hại với từng loại.

Đối với bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 5.000m³/ngày đêm, được đưa vào máy ép bùn, đông bánh và chuyển giao cho đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định đối với chất thải nguy hại.

- Kho/khu vực lưu chứa: Diện tích xây dựng 47,38m² (kích thước 5,15m x9,2 m); kho lắp đặt biển cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định. Bố trí tại khu vực nhà kho số 1, khu nhà điều hành Trạm XLNT tập trung của cụm công nghiệp.

- Hợp đồng về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý chất thải nguy hại phát sinh tần suất khoảng 3 tháng/lần (tùy vào tình hình thu hút đầu tư của dự án).

- Chất thải nguy hại được thu gom, lưu trữ và xử lý theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Định kỳ lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại kèm theo chứng từ chuyển giao (nếu có) gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Các doanh nghiệp hoạt động trong cụm công nghiệp: lập các thủ tục về môi trường theo quy định và thực hiện thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại theo nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định/cấp phép.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn từ phương tiện giao thông:

+ Chủ dự án hoàn thiện hạ tầng, bê tông toàn bộ tuyến đường nội bộ trong dự án, giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh trong quá trình các phương tiện vận chuyển hoạt động,

+ Trồng cây xanh theo quy hoạch giúp điều hòa không khí và có tác dụng làm giảm sự lan truyền tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn từ máy phát điện:

+ Máy phát điện dự phòng được thiết kế đồng bộ, gắn bộ phận tiêu âm tại bộ phận thải khí để hạn chế tiếng ồn do máy nổ phát ra.

+ Gắn đệm cao su chống rung (cao su đặc) tại chân đế của máy phát điện.

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn từ nhà máy thổi khí và nhà bơm:

+ Thiết kế nhà chứa máy thổi khí trong phòng kín, cửa có sử dụng gioăng cách âm để dán các mép giúp giảm âm và cách âm ra bên ngoài hiệu quả hơn.

+ Lắp đặt đệm cao su chống rung tại các vị trí đặt bơm và máy thổi khí.

+ Định kỳ bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị bơm, máy thổi khí theo quy định.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do các sự cố như: cháy nổ; an toàn lao động, an toàn giao thông, sự cố vỡ đường ống thu gom nước thải, hư hỏng trạm xử lý nước thải tập trung,...

+ Kho chứa chất thải nguy hại có thiết kế rãnh thu chất lỏng, chống tràn, có phương án dùng cát khô, bột, các dụng cụ phù hợp để ngăn chặn sự phát tán chất thải khi xảy ra tràn, đổ.

+ Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình đã được hướng dẫn và được theo dõi, giám sát vận hành.

+ Khi xảy ra sự cố trạm xử lý nước thải, van xả ra nguồn tiếp nhận được

đóng lại tìm ra nguyên nhân cách khắc phục, trong thời gian đó nước thải được xả ra hồ sự cố dung tích khoảng 10.000 m³ để lưu giữ tạm thời, dung tích hồ có khả năng lưu giữ nước thải trong khoảng 2 ngày. Khả năng khắc phục sự cố tránh quá tải cho hồ sự cố, sau khi khắc phục xong sự cố nước thải sẽ được bơm ngược từ hồ sự cố về trạm xử lý nước thải để xử lý theo quy trình.

+ Tổ chức nạo vét hệ thống công rãnh thoát nước, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho khu vực dự án đặc biệt trong mùa mưa bão.

- Chủ dự án trang bị (01) xe tưới nước, rửa đường để phun nước dập bụi, rửa đường giao thông nội bộ trong phạm vi cụm công nghiệp, tần suất 1 lần/ngày vào ngày thời tiết hanh khô. Hiệu quả của biện pháp: giảm thiểu bụi trên các tuyến đường giao thông nội bộ cụm công nghiệp.

- Bố trí công nhân vệ sinh, quét dọn đường giao thông nội bộ trong cụm công nghiệp, hạn chế rác thải, bụi, lá cây rơi vãi trên đường, ảnh hưởng mỹ quan cụm công nghiệp.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Môi trường không khí làm việc:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí gồm 01 vị trí khu vực xây dựng hạ tầng kỹ thuật (khu vực thi công đường giao thông), 01 vị trí tại khu vực bốc xúc đất đá dư thừa (khu số 2).

- Thông số giám sát: Bụi, SO₂, NO_x, CO, tiếng ồn, độ rung,.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Nước thải sinh hoạt:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm tập trung nước thải sinh hoạt của công nhân tại khu vực lán trại trước khi xả thải ra môi trường và 01 vị trí nước thải sinh hoạt của cán bộ tại khu vực văn phòng trước khi xả thải ra môi trường.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅ (20°C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Photphat (PO₄³⁻) (tính theo P), tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

5.1.3. Chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.2. Giai đoạn vận hành

a. Chương trình quan trắc nước thải tự động, liên tục

Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	Quy chuẩn so sánh
02 vị trí tại bể gom (01 vị trí tại bể gom NTCN và 01 vị trí tại bể gom NTSH) đầu vào Trạm XLNT	Lưu lượng (đầu vào)	Liên tục và truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang.	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$)
01 vị trí tại mương quan trắc online trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận	Lưu lượng (đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.		

b. Chương trình quan trắc nước thải định kỳ

- Vị trí giám sát:

+ 02 vị trí tại bể gom (01 vị trí tại bể gom nước thải công nghiệp và 01 vị trí tại bể gom nước thải sinh hoạt) đầu vào Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN Lãng Cao.

+ 01 vị trí xả nước thải đầu ra sau xử lý Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN Lãng Cao.

- Thông số giám sát: BOD₅ (20°C), Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Sắt, Crom (III), Crom (VI), Niken, Kẽm, Mangan, Tổng xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Tổng nitơ, Tổng phốt pho (tính theo P), clorua, clo dư, Tổng hoạt độ phóng xạ α , Tổng hoạt độ phóng xạ β , Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/ BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A ($K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$).

6. Những yêu cầu đối với Chủ dự án

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải

phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án;

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 249/TTr-TNMT ngày 24/5/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.